

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2022.

V/v “Tranh chấp HN - GD”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Lâm và bà Vũ Thị Thanh

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **144/2021**/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm **2021** về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/2/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1970;

Địa chỉ: khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa (Đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị K khai: chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa, huyện Yên Hưng (Nay là phường C, thị xã Q, tỉnh Q). Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ hoặc chồng và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Q. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát. Anh T thường xuyên say xỉn, về nhà chửi bới chị K; mặt khác anh T lại không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình. Hai vợ chồng đã sống

ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: quá trình chung sống chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T có 04 con chung là Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1993, Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995, Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 và Nguyễn Hải T1, sinh ngày 14/3/2009. Nay ly hôn, các con chung Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 đã đến tuổi trưởng thành nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Hải T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian chăm sóc con chung chu đáo. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có quan điểm trình bày.

Tại Biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Hải T1, sinh ngày 14/3/2009 ngày 07/4/2022 thể hiện: cháu Tân có nguyện vọng ở với mẹ Nguyễn Thị K khi bố mẹ ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/2/2022, đại diện trưởng khu Đ, phường C, thị xã Q cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa, huyện Yên Hưng (Nay là phường C, thị xã Q, tỉnh Q). Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ hoặc chồng và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Q. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm sống. Anh T không có công việc, thường xuyên say xỉn, về nhà chửi bới chị K, không quan tâm, chăm lo cuộc sống gia đình. Hai vợ chồng chị hiện tại đã sống ly thân. Anh T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Q. Nay chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, đại diện khu phố nhận thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho anh chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: quá trình chung sống chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T có 04 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 và Nguyễn Hải T1, sinh ngày 14/3/2009. Hiện tại các con chung Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 đã đủ tuổi trưởng thành nên chị K không yêu cầu Tòa án giải

quyết; đại diện khu phố có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giao con chung Nguyễn Hải T1 cho người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để đảm bảo quyền lợi cho cháu. Cháu Tân hiện đang sống cùng mẹ, tình trạng sức khỏe bình thường.

Về tài sản chung, nợ chung: đại diện khu phố không nắm được nên không cung cấp.

Tại Thông báo số 69/TB-TA ngày 15/11/2021, Tòa án thông báo cho các đương sự có mặt tại trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 29/11/2021. Do anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã lập Biên bản về việc không mở được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm: nguyên đơn chị Nguyễn Thị K giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T có 04 con chung là Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1993, Nguyễn Thị H1 sinh năm 1995, Nguyễn Thị H2 sinh năm 1997 và Nguyễn Hải T1, sinh ngày 14/3/2009. Nay ly hôn, các con chung Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 đã đủ tuổi trưởng thành nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Hải T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: chị K, anh T không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K xử cho chị K được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T có 04 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 và Nguyễn Hải T1, sinh ngày 14/3/2009. Nay ly hôn, các con Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 đã đến tuổi trưởng thành nên chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Nguyễn Hải T1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền xét xử của Tòa án: chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Q. Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm. Chị K có mặt, anh T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa, huyện Yên Hưng (nay là phường C, thị xã Q, tỉnh Q). Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ, có chồng và không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu Đ, phường C, thị xã Q, tỉnh Q. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát. Anh T thường xuyên say xỉn, về nhà chửi bới chị K; mặt khác anh T lại không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng của chị K, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh T và chị K không có khả năng đoàn tụ. Nên chị Nguyễn Thị K khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được chấp nhận.

- Về con chung: quá trình chung sống chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T có 04 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1995; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 và Nguyễn Hải T1, sinh ngày 14/3/2009. Nay ly hôn, các con Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 đã đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Hải T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian chăm sóc con chung chu đáo. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: cần giao con Nguyễn Hải T1, sinh ngày 14/3/2009 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hải T1.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; 58, 81,82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Hải T1, sinh ngày 14/3/2009 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T được quyền qua lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị K đã nộp theo Biên lai thu số 001.0029 ngày 27/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Chi Cục THADS TX Quảng Yên;
- TAND tỉnh Q;
- UBND phường C;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Hùng